

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 28 – 4 – 2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 267/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H Việt Nam.

Địa chỉ: 15T Nguyễn Thị Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng H Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng H Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (Theo quyết định ủy quyền số 312/2021/QĐ-NHHT ngày 03/11/2021).

Địa chỉ: 68 – 70 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T: Ông Vũ Quang V; Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch số 01 – Ngân hàng H Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 334A Giải P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Theo Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng ngày 25/11/2021) – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: X, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H.

Địa chỉ: X, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng H Việt Nam ông Vũ Quang V trình bày:*

Ngày 20/6/2014, Phòng giao dịch số 01 – Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk cho bà Trần Thị X vay theo Hợp đồng tín dụng số TD52800015 số tiền vay là 130.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng (Từ ngày 20/6/2014 đến ngày 20/6/2019), lãi suất 1,125%/tháng, mục đích vay vốn: Tiêu dùng gia đình. Từ khi vay tới nay bà X đã trả được một số nợ gốc.

Khoản vay trên của bà X được căn cứ theo đơn xin vay và cam kết trả nợ của bà X được Hiệu trưởng trường tiểu học Đặng Thùy T và Ban chấp hành Công đoàn nhà trường ký xác nhận. Theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì bà Trần Thị X đã vi phạm hợp đồng, trong quá trình vay vốn bà X đã trả được số tiền gốc là 105.150.000đ và tiền lãi là 68.104.800đ. Tạm tính đến hết ngày 28/4/2022, bà Trần Thị X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc là 24.850.000đ và số tiền lãi là 14.059.700đ.

Vì lý do trên, Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc buộc bà Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh H phải trả nợ gốc và lãi vay với tổng số tiền là 38.909.700đ, trong đó: Nợ gốc là 24.850.000đ và số tiền lãi tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 14.059.700đ và tiền lãi phát sinh đến khi bà X và ông H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Vào ngày 28/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.774.500đ và đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với số tiền trên. Đây là số tiền chênh lệch sau khi Ngân hàng khởi kiện thì bà X đã trả được thêm 4.000.000đ tiền vay gốc.

** Tại bản tự khai ngày 27/12/2021, bị đơn bà Trần Thị X trình bày:*

Năm 2014 tôi có vay của Ngân hàng C huyện K – Đắk Lắk số tiền 130.000.000đ. Cho đến nay tôi đang còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 28.850.000đ và lãi suất là 11.843.200đ. Đáng lẽ ra tôi đã đóng số tiền gốc trên đúng hạn theo hợp đồng. Nhưng trong quá trình chuyển công tác đến một số trường việc đóng tiền của bản thân bị gián đoạn. Trong những năm này kinh tế gia đình tôi sa sút. Bản thân nuôi hai con ăn học đại học khó khăn, chỉ có đồng lương, ông xã làm nông thuê khoán Công ty cà phê Thắng Lợi. Mỗi năm chỉ được 2 – 3 tấn cà không đủ đầu tư do cà phê rớt giá. Tôi lại nợ nần nhiều do chăn nuôi gà trống bị chết 800 con. Nên kinh tế bắt đầu xuống dốc, làm cho tôi không đủ lương để đóng đúng hạn. Nên đã để chậm trễ việc đóng ngân hàng C.

Nay tôi cũng thấy bản thân cần phải chấp hành đúng là sẽ tìm phương hướng

khắc phục khó khăn để đóng tiền cho Ngân hàng. Trên phương diện tôi mong ngân hàng tạo điều kiện cho tôi trả nợ như sau:

1. Cho tôi được trả số tiền gốc trước.
2. Mỗi tháng tôi sẽ tự đóng 5.000.000đ cho đến hết bắt đầu từ tháng 01/2022.
3. Từ đây đến tết vì khó khăn nên tôi sẽ hoàn thành số tiền 10.000.000đ trước và trả số tiền còn lại sau khi ra tết.
4. Vì hoàn cảnh tôi khó khăn rất mong ngân hàng tạo điều kiện giảm cho tôi số lãi suất trên để tôi có cơ hội trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn bà Trần Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H Việt Nam. Buộc bà Trần Thị X phải liên đới cùng ông Nguyễn Thanh H trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 38.909.700đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày vay đến ngày tuyên án sơ thẩm và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H Việt Nam đối với tổng số tiền là 1.774.500đ.

Ngân hàng H Việt Nam được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy

định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng H Việt Nam, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H cư trú tại X, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Trần Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên bà X và ông H vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án và tại phiên tòa không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng H Việt Nam có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 20/6/2014, bà Trần Thị X ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng H Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch số 01. Theo hợp đồng đã ký thì Ngân hàng đồng ý cho bà Trần Thị X vay số tiền 130.000.000đ để phục vụ tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 1,125%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, ngày bắt đầu trả nợ 20/7/2014 đến 20/6/2019. Đến ngày 28/4/2022, đã trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 105.150.000đ và tiền lãi là 68.104.800đ, bà Trần Thị X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 38.909.700đ, trong đó tiền gốc là 24.850.000đ, tiền lãi là 14.059.700đ. Việc bà Trần Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Xét yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên cần buộc bà Trần Thị X phải trả

cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 24.850.000đ là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3.2] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng ký kết ngày 20/6/2014 thì lãi suất các bên thỏa thuận đối với khoản vay nói trên là 1,125%/tháng. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Như vậy, lãi suất trong hạn được tính như sau: Ngày vay là ngày 20/6/2014, ngày bắt đầu trả nợ ngày 20/7/2014, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20/6/2019. Nên tiền lãi trong hạn là $130.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 60 \text{ tháng} = 60.855.900đ$.

Tiền lãi quá hạn: Theo hợp đồng tín dụng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tức 1,688%/tháng. Tiền lãi quá hạn của số tiền 130.000.000đ được tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ là ngày 21/6/2019 và tạm tính đến ngày 28/4/2022 là: $130.000.000đ \times 1,688\%/tháng \times 34 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 21.308.600đ$. Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn là 82.164.500đ. Bà X đã trả được 68.104.800đ. Bà X còn nợ 14.059.700đ tiền lãi trong hạn và quá hạn (Tạm tính đến ngày 28/4/2022).

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng H Việt Nam tổng số tiền 38.909.700đ, trong đó nợ gốc là 24.850.000đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 14.059.700đ.

Kể từ ngày 29/4/2022, bà Trần Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh H liên đới trả nợ cùng bà Trần Thị X: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình xin vay tiền, bà Trần Thị X và chồng là ông Nguyễn Thanh H đã ký Đơn xin vay và cam kết trả nợ. Ngoài ra, mục đích vay tiền của bà X là để tiêu dùng cho gia đình. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị X trả số tổng số tiền 38.909.700đ, trong đó nợ gốc là 24.850.000đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 14.059.700đ và tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh xong khoản nợ gốc.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng H Việt Nam xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.774.500đ, đây là số tiền chênh lệch do bà X đã trả được 4.000.000đ tiền vay gốc sau khi Tòa án thụ lý vụ án. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H Việt Nam đối với số tiền 1.774.500đ.

Ngân hàng H Việt Nam được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật

[6] Về án phí: Bà Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 292; Điều 293; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H Việt Nam.

Buộc bà Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H Việt Nam tổng số tiền 38.909.700đ (*Ba mươi tám triệu chín trăm lẻ chín nghìn bảy trăm đồng*), trong đó nợ gốc là 24.850.000đ (*Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 14.059.700đ (*Mười bốn triệu không trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm đồng*).

Kể từ ngày 29/4/2022, bà Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H Việt Nam đối với số tiền là 1.774.500đ (*Một triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Ngân hàng H Việt Nam được khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh H phải chịu 1.945.500đ (*Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền 1.017.000đ (*Một triệu không trăm mười bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006695,

ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được Niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà